Ngày soạn: ..................

Ngày giảng: ...............

**Bài 22 – Tiết 110**

**Văn bản: CON CÒ**

**(Chế Lan Viên)**

**I/ Mục tiêu** (Tài liệu)

**II/ Thiết bị dạy học**

- GV: máy tính, máy chiếu, máy chiếu hắt, BP

- HS: bảng phụ, bút dạ

**III/ Tổ chức các hoạt động học của HS**

**1/ Ổn định tổ chức**

**2/ Kiểm tra bài cũ**

**H:** Nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung cơ bản của VB *Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten*?

**3. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học**

**A. Hoạt động khởi động**

**- HS HĐCN (4’): Thực hiện yêu cầu tài liệu (32) – B/c – chia sẻ**

**GV nhận xét, dẫn dắt:** Tình mẫu tửlà đề tài từ rất xa xưa nhưng cũng rất thiêng liêng và không bao giờ cũ. Tình cảm ấy thường được gửi gắm qua những lời hát ru của mẹ với đứa con yêu thương của mình. Người ta cũng đã nói nhiều về ý nghĩa và vai trò của hát ru đối với tuổi thơ và với cả cuộc đời con người. Hát ru vốn rất quen thuộc và tự nhiên với các bà mẹ và trong mỗi gia đình. Nhưng ngày nay nó đã trở thành một việc khó khăn đối với không ít những người mẹ trẻ, và điều đó là một thiệt thòi đáng kể đối với trẻ thơ. Bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên được viết ra nhằm nhắc nhở một cách thấm thía về tình mẹ và vai trò của lời hát ru đối với cuộc đời mỗi con người.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Nội dung chính** |
| **HS HĐCL**  **H. *Qua việc đọc và soạn bài ở nhà em hãy cho biết văn bản này nên đọc với giọng như thế nào?***  - HS chia sẻ  **GV bổ sung ( nếu cần)**: Giọng : thủ thỉ, tâm tình như lời ru tha thiết, lắng sâu.  Chú ý : Những điệp ngữ, câu cảm, câu hỏi như lời đối thoại, những câu thơ trong ngoặc kép ...)  **HS:** Đọc, nhận xét  **GV:** Nhận xét, sửa lỗi cho HS  **H:** Trình bày nét chính về tác giả CLV?  **GV:** NX, KL, mở rộngtác giả vài nét về t/g’ (SGV 45+ 46)  **H:** Nêu xuất xứ của tác phẩm?  **GV:** mở rộng tác phẩm (SGV 45+ 46)  **H:**Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?  **H:** Em quan sát được những biểu hiện mới mẻ nào trong cách t/giả trình bày bài thơ?  - Hình thức thơ tự do.  - Vận dụng ca dao.  - Hình ảnh thơ mới lạ.  **H. *Ngoài các chú thích trong tài liệu còn từ ngữ nào trong văn bản không hiểu cần giải thích?***  **- HS HĐCĐ (4’) thực hiện yêu cầu a (43) – B/c – chia sẻ**  **- GV nhận xét, KL**  **H:** Trong ca dao, h/¶ con cß th­êng dïng víi nh÷ng ý nghÜa nµo?  - Trong ca dao, h/ả con cò xuất hiện phổ biến, được dùng với nhiều ý nghĩa mà thông dụng nhất là ý nghĩa ẩn dụ. Con cò là h/ả người nông dân, người phụ nữ trong c/s nhiều vất vả, nhọc nhằn nhưng giầu đức tính tốt đẹp và niềm vui sống.  **H:** Ở bài thơ này, CLV khai thác và XD ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cò ở ND nào?  - Biểu trưng cho tấm lòng người mẹ và những lời hát ru.  **GV:** Tõ h×nh t­­îng trung t©m “con cß” ®­îc ph¸t triÓn më réng ý nghÜa biÓu t­îng vÒ t×nh mÑ.  **H:** Em hiểu nội dung bài thơ này theo cách nào dưới đây?  - Kể chuyện về con cò?  - Miêu tả con cò?  - Mượn hình ảnh con cò trong ca dao để bộc lộ tình cảm?  **H:** Như vậy, phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì ?  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm ( kết hợp tự sự với miêu tả)  **- HS HĐCN (4’) thực hiện yêu cầu b (34,35) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL**  - T/g vận dụng 1 cách sáng tạo, không trích nguyên văn, mà chỉ lấy vài chữ trong mỗi câu ca dao nhằm gợi nhớ những câu ấy.  - H×nh ¶nh con cß xuÊt hiÖn trong lêi ru cña mÑ-> GV: C¸c c©u th¬ gîi t¶ kh«ng gian vµ khung c¶nh quen thuéc cña c/s ªm ®Òm, b×nh lÆng thêi x­a tõ lµng quª ®Õn thµnh thÞ. H/¶ con cß gîi lªn h/¶ nhÞp nhµng, thon th¶, b×nh yªn cña c/s vµ sinh ho¹t thêi phong kiÕn ë VN.  Cßn h/¶ con cß xa tæ ®i kiÕm ¨n ®ªm, gÆp cµnh mÒm, sî x¸o m¨ng l¹i t­îng tr­ng cho h/¶ con ng­êi – ng­êi mÑ nhäc nh»n, vÊt v¶ lam lò kiÕm ¨n nu«i con c¸i. H/¶ con cß thµ chÕt trong h¬n sèng ®ôc ®Ó ®au lßng cß con  **GV:** Qua lời ru của mẹ, hình ảnh con cò đến với tâm hồn tuổi ấu thơ một cách vô thức, nuôi dưỡng tâm hồn bằng những âm điệu ngọt ngào, dịu dàng, ngân nga của tình mẹ. Đó là sự khởi đầu con đường đi vào thế giới tâm hồn mỗi con người  **- HS HĐN (6’) thực hiện yêu cầu c (TL 35) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL**  **GV**: Cánh cò như được bay ra từ những câu ca dao để sống trong tâm hồn con người, theo cùng và nâng đỡ con người trong mỗi chặng đường.  **- HS HĐCN (4’) thực hiện yêu cầu d (35) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL**  **H:** C¸ch sö dông tõ ng÷ trong ®o¹n th¬ cã g× ®Æc biÖt?  **H:** Suy ngÉm cña t¸c gi¶ vÒ h×nh ¶nh con cß vµ lêi ru nh­­ thÕ nµo?  **GV:** Lêi th¬ võa cô thÓ, võa cã søc kh¸i qu¸t lín, më ra cho ng­­êi ®äc nh÷ng ch©n trêi liªn t­­ëng b¸t ng¸t. Nhê h×nh ¶nh ChÕ Lan Viªn ®· “l¹ ho¸ ” nh÷ng ®iÒu ai còng thÊy nh­­ng kh«ng ph¶i ai còng nhËn ra: *Con dï lín vÉn lµ con cña mÑ, ®i hÕt ®êi lßng mÑ vÉn theo con. MÑ ®· truyÒn cho con h¬i Êm cña t×nh yªu th­­¬ng vµ m¹ch nguån d©n téc ®Ó trªn mçi hµnh tr×nh con ®Òu cã søc m¹nh b­íc ®i.*  **- HS HĐCN (4’) thực hiện yêu cầu e (TL 35) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL**  Bµi th¬ khai th¸c vµ ph¸t triÓn h×nh ¶nh con cß trong nh÷ng c©u h¸t ru rÊt quen thuéc, ®Ó ngîi ca t×nh mÑ vµ ý nghÜa lêi ru ®èi víi cuéc ®êi mçi con ng­­êi.  **- HS HĐN (6’) thực hiện yêu cầu g (TL35) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL**  **- HS HĐCN (5’) thực hiện yêu cầu 1.a (TL 37) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL** | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Ông là nhà thơ xuất sắc của nền thơ hiện đại Việt Nam.  - Phong cách thơ mang đậm tính triết lý, chất trí tuệ và tính hiện đại.  - Năm 1996 được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT.  **2. Tác phẩm**  - Bài thơ sáng tác 1962, in trong tập “Hoa ngày thường - Chim báo bão” (1967)  - Thể thơ: Tự do  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Bố cục:** 3 phần.  - *Phần 1*: Hình ảnh con cò qua những lời ru tuổi ấu thơ.  - *Phần 2*: H/ảnh con cò trong tiềm thức tuổi thơ và đi theo con trên mọi chặng đường đời.  - *Phần 3*: Từ h/ả con cò, suy ngẫm và triết lí về ý nghĩa của lời ru và lòng mẹ đối với cuộc đời mỗi con người.    ***2. H×nh ¶nh con cß qua lêi ru cña mÑ***  - C¸ch vËn dông ca dao linh ho¹t s¸ng t¹o, ch©n thùc, giäng th¬ thñ thØ t©m t×nh, nhÞp th¬ ng¾n, ®iÖp tõ, ®iÖp ng÷.  -> Con cß - h×nh ¶nh Èn dô:  + Cuéc sèng b×nh yªn, giµu ®Ñp cña ®Êt n­íc.  + H×nh ¶nh ng­­êi phô n÷ lao ®éng nhäc nh»n, vÊt v¶.  + T×nh yªu bao la vµ sù chë che cña mÑ hiÒn.  ***3. H×nh ¶nh con cß trong cuéc ®êi mçi con ng­­êi***  *+ Từ thuở trong nôi: "Cò đứng ở quanh nôi...cánh của cò hai đứa đắp chung đôi"*  *+ Khi tới trường: "Mai khôn lớn con theo cò đi học/ Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân.*  *+ Lớn lên: "Con làm thi sĩ…câu văn"*  *- §iÖp ng÷, nh©n ho¸, c©u th¬ dµi ng¾n kh¸c nhau, c©u hái vµ c©u tù tr¶ lêi.*  *-> Cánh cò trong bài thơ đã đi vào tiềm thức của tuổi thơ trở nên gần gũi, thân thiết và theo con trong suốt cuộc đời.*  => Hình ảnh con cò gợi ý nghĩa biểu tượng về lòng mẹ, về sự dìu dắt, nâng đỡ dịu dàng và bền bỉ của người mẹ.  ***4. ý nghÜa cña h×nh ¶nh con cß vµ lêi ru.***  - NhÞp th¬ dån dËp, ®iÖp tõ, phã tõ…  -> H/ả con cò biểu tượng cho tấm lòng người mẹ, lúc nào cũng ở bên con đến suốt cuộc đời.  -> T¸c gi¶ ®· kh¸i qu¸t mét quy luËt cña t×nh c¶m cã ý nghÜa bÒn v÷ng, réng lín vµ s©u s¾c. T×nh c¶m cña mÑ m·i d¹t dµo vµ cã ý nghÜa lín lao víi cuéc ®êi cña con ng­êi.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Viết theo thể thơ tự do, tác giả thể hiện được cảm xúc một cách linh hoạt ở nhiều biểu hiện, nhiều mức độ.  - Sáng tạo nên những câu thơ gợi âm hưởng lời hát ru nhưng vẫn làm nổi bật được giọng suy ngẫm, triết lí của bài tnơ.  - XD những hình ảnh thơ dựa trên những liên tưởng, tưởng tượng độc đáo. Vận  - Khai thác và làm mới vẻ đẹp của ca dao qua việc sáng tạo h/a’ con cò.  2.Ý nghĩa: *Đề cao, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng và khẳng định ý nghĩa của lời hát ru đối với cuộc đời mỗi con người.*  **IV. Luyện tập**  - §Òu m­ưîn lêi h¸t ru ®Ó ngîi ca vÒ t×nh mÑ ®èi víi mçi con ng­­êi.  - “Khóc h¸t ru... : Mang ©m ®iÖu lêi h¸t ru cña bµ mÑ Tµ «i. Cã 3 ®iÖp khóc, mçi ®iÖp khóc cã 2 lêi ru : lêi nhµ th¬, vµ lêi ng­êi mÑ. T×nh th­¬ng con g¾n liÒn t×nh th­­¬ng bé ®éi, d©n lµng, ®Êt n­íc.  - Con cß : Mư­în h×nh ¶nh “Con cß” trong ca dao h¸t ru. Cã 3 ®o¹n, mçi ®o¹n thÓ hiÖn h×nh ¶nh con cß mang mét ý nghÜa : Lêi ru thêi th¬ Êu, lêi ru qua tõng chÆng ®­­êng ®êi, triÕt lÝ vÒ ý nghÜa cña lêi ru vµ t×nh mÑ. |

**4. Củng cố: (2’)**

**GV:** Cảm nhận của em sau khi học xong bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên?

**5. H­ướng dẫn học bài (1’)**

**- Bài cũ:** Thuộc bài thơ, nắm được nội dung và nghệ thuật chính của bài.

- Hướng dẫn làm bài tập phần vận dụng, tìm tòi mở rộng

**- Bài mới:** - *Cách làm bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí*

………………………………………………………………………

*Ngày Soạn:………………*

*Ngày giảng:……………..*

**Tiết 111,112**

**C¸ch lµm bµi v¨n nghÞ luËn vÒ mét vÊn ®Ò t­ t­ëng ®¹o lÝ**

**\* Chuẩn kiến thức, kĩ năng:**

- Biết đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài NL về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

- Biết cách làm đoạn văn, bài văn NL về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

**\*HS khá, giỏi:**

- Vận dụng viết đoạn văn, bài văn NL về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

**1. Ổn định tổ chức (1’)**

**2. Kiểm tra đầu giờ (3’)**

**H:** Thế nào nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí? Yêu cầu về ND, hình thức của kiểu bài này là gì ?

**3. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học**

**\* Khởi động (1’)**

**GV:** Từ kiểm tra bài cũ, GV dẫn dắt, giới thiệu vào bài mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung** |
| **- HS HĐCĐ (4’) thực hiện yêu cầu a ý (1) (TL/35) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL**  **H:** Hãy chỉ các điểm khác nhau của các đề bài trên?  Gợi ý: *ở đề 1, 3, 10 cách hỏi có gì khác ?*  **GV:** MR trong SGV-53  **HS HĐCN(3’) thực hiện yêu cầu a ý (2) (TL/36) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL**  \* Một số đề bài khác:  - Suy nghĩ về đạo lí Uống nước nhớ nguồn  - Truyền thống tôn sư trọng đạo  - Suy nghĩ từ truyện ngụ ngôn "Thầy bói xem voi"  **HS HĐCN(3’) thực hiện yêu cầu b (TL/36) – B/c – chia sẻ ( Từng ý1,2,3)**  **GV nhận xét, KL**  Ý 1 : Chọn 1  Ý 2 : Chọn 2,3,4,5,6,7  Ý 3 chọn : 1,2,3,5  **H:** Em hiểu 2 chữ "suy nghĩ" có ý nghĩa như thế nào?  → Yêu cầu thể hiện sự hiểu biết, đánh giá ý nghĩa của đạo lí "uống nước nhớ nguồn"  **H: Để tìm ý ta tiến hành như thế nào?**  **HS HĐCĐ(7’) thực hiện yêu cầu c (TL/36) – B/c – chia sẻ ( trên bảng phụ)**  **GV nhận xét, KL ( MC)**  + Đi từ thực tế đến đạo lí:  Đất nước Việt Nam có nhiều đến chùa và nhiều lễ hội. Một tro ng những đối tượng được thờ cúng, suy tôn là các anh hùng, các vị tổ tiên có công với dân, với làng, với nước. Truyền thống đó được phản ánh vào một câu tục ngữ rất hay và cô đọng “ Uống...nguồn”  Ngày giảng :....................  **Tiết 112**  **GV yêu cầu HS viết đoạn mở bài (tổ 1), viết đoạn thân bài (tổ 2), viết đoạn kết bài (tổ 3)**  **HS đọc đoạn văn, nhận xét sửa chữa**  **HS HĐCN(4’) thực hiện yêu cầu d (TL/37) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL**  **H:** Trong bài nghị luận cần những yêu cầu gì về lời văn và việc liên kết đoạn?  **GV:** Nhấn mạnh yêu cầu cần thiết đối với việc đọc và sửa chữa sau khi làm bài.  H Đ cặp đôi (5p) Lập dàn ý cho đề bài : Suy nghĩ về tinh thần tự học. | **I. Đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí**  ***1. Bài tậpa (35,36)***  ***2. Nhận xét***  \*Giống nhau:  - Nội dung: đều là bàn về vấn đề tư tưởng, đạo lí.  - Hình thức: ngắn gọn, dễ hiểu.  \*Khác nhau:  - Đề 1,3,10 có mệnh lệnh  - Các đề còn lại là đề mở, không có mệnh lệnh.  **II. Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý**  ***\*Đề bài (36)***  ***1. Tìm hiểu đề, tìm ý***  *a. Tìm hiểu đề*  - Tính chất của đề: NL về một vấn đề tư tưởng đạo lí  - Yêu cầu về nội dung: Nêu suy nghĩ về câu tục ngữ "Uống nước nhớ nguồn"  - Tri thức cần có:  + Hiểu biết về tục ngữ Việt Nam  + Vận dụng các tri thức về đời sống  *b. Tìm ý*  - Đặt những câu hỏi để tìm ý: Là gì? Như thế nào? Tại sao? Tác dụng gì? Ý nghĩa ra sao?.....  - Mục đích: Phân chia vấn đề thành các luận điểm.  ***2. Lập dàn ý***  *a. Mở bài*  - Giới thiệu và nêu tư tưởng chung nội dung đạo lí của câu tục ngữ  + Đi từ chung đến riêng :  Trong kho tàng tục ngữ Việt nam có nhiều câu tục ngữ sâu sắc thể hiện truyền thống đạo lí của người Việt. Một trong những câu đó là «  Uống nước nhớ nguồn ». Câu tục ngữ này nói lên lòng biết ơn đối với những ai đã làm nên thành quả cho con người hưởng thụ.  *b.Thân bài*  - Giải thích nội dung câu tục ngữ :  - Nghĩa đen:  + Nước: Là sự vật tự nhiên, thể lỏng, mềm, mát, cơ động, linh hoạt trong mọi địa hình,  có vai trò đặc biệt, quan trọng trong đ/s xã hội.  + Nguồn: Nơi bắt đầu của mọi dòng chảy.  - Nghĩa bóng:  + Uống nước: Những thành quả mà con người được hưởng thụ bao gồm: Các giá trị về vật chất (cơm áo gạo tiền…). Các gái trị về tinh thần (VH,NT, lễ, tết, hội…)  + Nhớ nguồn: Thành quả không tự nhiên mà có, cho nên người hưởng thụ phải biết tri ân, gìn giữ, phát huy các thành quả của người làm ra chúng: Tổ tiên, tiền nhân, tiền bối…những người vô danh và hữu danh có công tạo dựng nên đất nước, làng xã dòng họ = mồ hôi lao động và xương máu…  - Nhận định, đánh giá:  + Câu tục ngữ là lời dạy, lời khuyên, lời nhắc nhở, bởi cuộc đời có nhiều người tốt, nhưng cũng không ít kẻ vô ơn …  + Ngày nay câu ấy có nhiều lớp nghĩa: không quên tổ tiên nòi giống (nguồn là đất nước); không quên ngời chiến đấu hi sinh bảo vệ tổ quốc, không quên ơn người dạy dỗ, giúp đỡ mình (nguồn là xã hội); không quên ơn ông bà cha mẹ ( nguồn là gia đình)  - Bài học đạo lí:  + Nhớ nguồn là lương tâm và trách nhiệm của mỗi người.  + Nhớ nguồn là phải biết trân trọng và giữ gìn, bảo vệ, phát huy những thành quả đã có.  + Nhớ nguồn là phải có trách nhiệm nỗ lực tiếp tục sáng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần.  - Ý nghĩa của đạo lí:  + Là một trong những nhân tố tạo nên sức mạnh tinh thần của dân tộc.  + Là một trong những nguyên tắc đối nhân xử thế mang vẻ đẹp văn hoá của dân tộc.  *c.Kết bài :*  - Câu TN thể hiện 1 nét đẹp của truyền thống DT.  - Nêu ý nghĩa của câu TN đối với ngày hôm nay.  **3. Viết bài:**  **4. Đọc và sửa chữa**  **5. Kết luận**  **-** Xác định các phép lập luận cần vận dụng : giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp  - Lập dàn bài :  + Mở bài : Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.  + Thân bài  - Giải thích, chứng minh nội dung vấn đề tư tưởng, đạo lí  - Nhận định, đáng giá vấn đề tư tưởng, đạo lí đó trong bối cảnh cuả cuộc sống riêng, chung.  - Bài học nhận thức và hành động  + Kết bài : Kết luận, tổng hợp, nêu nhận thức mới, tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động.  - Bài làm cầm lựa chọn góc độ riêng để giải thích, đánh giá và đưa ra được ý kiến của người viết.  2. Bài tập BS : Lập dàn ý cho đề bài : Suy nghĩ về tinh thần tự học.  a. *GT*:  \* Học là gì: Học là HĐ thu nhận kiến thức và hình thành kĩ năng của 1 chủ thể học tập nào đó. HĐ học có thể diễn ra dưới 2 hình thức:  - Học dưới sự hướng dẫn của thầy, cô; hoạt động này diễn ra trong những không gian cụ thể, thời gian cụ thể, những điều kiện và những qui tắc cụ thể…  VD: - Phòng học 9a1 hay 9a2.  - Thời gian là 1 tiết hay 2 tiết (45 phút).  - Điều kiện về cơ sở vật chất, thời tiết, khí hậu…  - Qui tắc ở trường phổ thông, trung cấp, đại học… Hình thức học này là có giới hạn về thời gian.  - Tự học: Dựa trên cơ sở những kiến thức và kĩ năng đã được học ở nhà trường để tiếp tục tích luỹ tri thức và rèn luyện kĩ năng. Hình thức học này không có giới hạn về thời gian, nghĩa là học suốt đời.  \* *Tinh thần tự học là gì*:  - Là có ý thức tự học, ý thức ấy dần dần trở thành 1 nhu cầu thường trực đối với chủ thể học tập.  - Là có ý chí vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để tự học 1 cách có hiệu quả.  - Là có phương pháp tự học phù hợp với trình độ của bản thân, hoàn cảnh sống cụ thể, các điều kiện vật chất cụ thể.  - Là luôn khiêm tốn học hỏi ở bạn bè và những người khác.  b. Dẫn chứng:  - Các tấm gương trong sách báo.  - Các tấm gương ở bạn bè xung quanh mình.  3. KB: Khẳng định vai trò của tự học và tinh thần tự học trong việc phát triển và hoàn thiện nhân cách của mỗi con người |

**4. Củng cố (1)**

**GV:** Kh¸i qu¸t néi dung bµi häc, nhÊn m¹nh kiÕn thøc träng t©m.

**5. H­ướng dẫn học bài (1)**

- **Bài cũ:** Nắm được các bước tiến hành khi làm bài nghị luận này, cách lập dàn bài chung đối với kiểu bài này. Triển khai dàn ý đã lập thành một bài văn hoàn chỉnh.

- **Bài mới:** Chuẩn bị tiết Luyện tập về liên kết câu và liên kết đoạn

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Rút kinh nghiệm sau giờ dạy:

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:.......................

Ngày giảng:……………….

**Tiết 107**

**LuyÖn tËp liªn kÕt c©u vµ liªn kÕt ®o¹n v¨n**

**I. Mục tiêu**

**\* Chuẩn kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết liên kết nội dung và liên kết hình thức giữa các câu và các đoạn.

- Nhận biết một số biện pháp liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản

**\*HS khá, giỏi:**

- Biết sử dụng một số phép liên kết câu và liên kết đoạn văn trong tạo lập VB.

**II. ChuÈn bÞ**

**1. Giáo viên:** Các ND bài soạn

2. Học sinh: ¤n tËp theo HD cña GV, vë viÕt v¨n

Soạn bài theo HD của GV

**III. Tổ chức các hoạt động học tập**

**1. Ổn định tổ chức (1’)**

**2. Kiểm trađầu giờ**

**- H:** Kể tên các phép liên kết. Tìm phép liên kết trong đoạn văn sau: - Cháu biết là mang tội lớn. Nhưng cháu trộm nghĩ rằng khi nước biến thì đến đứa trẻ cũng phải lo, huống hồ cháu đã lớn […]

**- Đáp án** : + Phép lặp từ ngữ; phép dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng; phép thế; phép nối

+ Đoạn văn sd phép lặp( cháu) và phép nối( nhưng).

**3. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học**

**\* Khởi động (1’)**

**GV:** Chúng ta đã tìm hiểu ð­ýợc khái niệm liên kết và những yêu cầu cụ thể về nội dung và hình thức của phép liên kết cũng như tác dụng của nó…Tiết này chúng ta sẽ củng cố kiến thức đã học đó qua việc luyện tập nhận biết phép liên kết trong văn bản và sử dụng phép liên kết khi viết văn bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung** |
| **HS HĐCN(2’) thực hiện yêu cầu a (TL/38) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL**  **HS HĐCĐ(5’) thực hiện yêu cầu b (TL/38) – B/c – chia sẻ**  **GV nhận xét, KL**  **HS HĐCN(5’) thực hiện yêu cầu c (TL/38)**  **– B/c – chia sẻ ( từng bài)**  **GV nhận xét, KL**  **GV:** Lỗi về nội dung hay mắc phải là các câu, các đoạn thiếu thiếu liên kết về chủ đề ( các ý mâu thuẫn), câu văn thiếu lô - gíc khiến văn bản không mạch lạc, không liên kết.  **GV:** Lỗi liên kết hình thức thường gặp là dùng từ ngữ liên kết không hợp lí. Trong quá trình tạo lập VB cần chú ý để không mắc phải lỗi này. | **I. Lý thuyết**  **- Các phép liên kết**  + SD từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ cùng trường liên tưởng, phép thế, phép lặp, phép nối,  **II- Luyện tập**  ***Bài tập b : (TL Tr. 38) Chỉ ra các phép liên kết***  (1).  - Liên kết câu: Phép lặp: Phép lặp: Lặp từ vựng « trường học »  - Liên kết đoạn: Phép thế: Thế bằng tổ hợp đại từ (*như thế*, thay thế cho câu *về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của bọn thực dân và phong kiến*)  (2).  - Liên kết câu: Phép lặp: Lặp từ vựng (văn nghệ, văn nghệ )  - Liên kết đoạn văn: Phép lặp: Lặp từ vựng « sự sống » ; « văn nghệ »  (3).  - Liên kết câu: Phép lặp: Lặp từ vựng: *thời gian, con người*  Phép nối: Nối bằng quan hệ từ « Bởi vì»  (4). – Liên kết câu: Dùng từ trái nghĩa (phép đối) : yếu đuối – mạnh, hiền lành – ác.  ***Bài tập c: (TL Tr.47) Tìm các cặp từ trái nghĩa :***  - Thời gian vật lí – thời gian tâm lí.  - Vô hình – hữu hình.  - Giá lạnh – nóng bỏng.  - Thẳng tắp – hình tròn.  - Đều đặn – lúc nhanh lúc chậm.  -> các cặp từ trái nghĩa giúp cho hai câu văn ấy liên kết chặt chẽ với nhau  *3. Bài tập 2a : (TL Tr.39) Các lỗi về liên kết ND trong những đoạn trích*  (1) Lỗi: Các câu không phục vụ chủ đề chung của đoạn văn, ý nghĩa các câu tản mạn ( mỗi câu có nói đến 1 đối tượng khác nhau  \*Chữa: thêm một số từ ngữ hoặc câu để thiết lập liên kết chủ đề giữa các câu.  VD: Cắm đi một mình trong đêm. Trận địa đại đội 2 ***của anh*** ở phía bãi bồi bên một dòng sông. ***Anh chợt nhớ hồi đầu mùa lạc*** hai bố con ***anh*** cùng viết đơn xin ra mặt trận. ***Bây giờ,*** mùa thu hoạch lạc đã vào chặng cuối.  (2)\* Lỗi: Trình tự các sự việc nêu trong các câu không hợp lí : Chồng chết sao lại còn hầu hạ chồng.  - Sửa: Thêm trạng ngữ chỉ thời gian vào đầu câu 2 nói rõ ý hồi tưởng để tạo ra sự liên kết với câu 1, chẳng hạn “Suốt 2 năm chồng ốm nặng, chị làm quần quật…”  ***Bài tập 2b ( 39)*** Chữa lỗi liên kết về hình thức:  (1) Lỗi: Dùng từ ở câu (2) và câu (3) không thống nhất.  \* Sửa: Thay đại từ "nó" → đại từ “chúng”.  (2) Lỗi: Từ "văn phòng" và từ "hội trư­ờng" không cùng nghĩa với nhau trong trư­ờng hợp này.  \* Sửa: thay "hội trư­ờng" ở câu (2) bằng "văn phòng" |

**4. Củng cố (1’)**

- Vai trß cña liªn kÕt, c¸c h×nh thøc kiªn kÕt c©u, ®o¹n v¨n trong v¨n b¶n ?

**5. H­ướng dẫn học bài (1’)**

- **Bài cũ:** Học bài, xem lại cách liên kết và những lỗi thường mắc. Viết một đoạn văn và chỉ ra liên kết về nội dung và hình thức của đoạn văn ấy.

- **Bài mới:** Chuẩn bị VB: Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)

+ Đọc và học thuộc bài thơ

+ Chia bố cục

+ phân tích các chi tiết, hình ảnh, tìm hiểu giá trị ND và NT của bài.

\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy:

……………………………………………………………………

Ngày giảng: …………..

**Tiết 120**

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5**

* 1. **Ổn định tổ chức (1’)** (Hát, kiểm tra sĩ số)
  2. **Kiểm tra đầu giờ (1’)**

**GV:** KT sự chuẩn bị của HS

* 1. **Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học (40’)**

**\*HĐ1: Khởi động (5’)**

**GV:** Nªu môc ®Ých, yªu cÇu cña giê häc. NhËn xÐt chung vÒ bµi lµm cña HS.

***\* Ưu điểm***

- Đa số các em nắm được phư­ơng pháp nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống, kết hợp hài hoà các biện pháp lập luận.

- Xác định đ­ược đối tư­ợng nghị luận, nghị luận tương đối tốt theo yêu cầu của đề.

- Bố cục hợp lí, cân đối. Một số bài trình bày, diễn đạt tốt.Hành văn trong sáng, mạch lạc. Lập luận chặt chẽ.

***\* Nhược điểm***

\* Mở bài: Giới thiệu đối t­ượng chưa linh hoạt, còn rư­ờm rà, diễn đạt còn vụng về, dùng từ chư­a thật chính xác. Khả năng liên kết chưa cao ở một số bài, thiếu tính khách quan...

\* Thân bài:

+ Chuyển ý ch­ưa tốt. Chưa nêu bật được những biên pháp cụ thể để khắc phục tình trạng đó.

+ Hệ thống luận điểm chưa rõ ràng, chưa có câu nêu luận điểm

+ Sắp xếp ý còn lộn xộn, ch­ưa theo trình tự lô gíc.

\* Kết bài:

+ Chưa biết khái quát lại vấn đề

+ Chưa đưa ra được lời kêu gọi

- Bài làm nội dung còn sơ sài, trình bày chưa sạch sẽ, chữ viết ẩu, sai nhiều lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu...

- Bố cục chưa rõ ràng.

- Có bài xác định chư­a đúng trọng tâm: thiên về kể chuyện và phát biểu cảm nghĩ...

**Duyệt của tổ chuyên môn**

Ngày … tháng 1 năm 2018

**NHẬT KÍ LÊN LỚP**

*(Ghi nội dung giảm tải với HSY, điều chỉnh về Kế hoạch dạy học;*

*nhận xét, đánh giá HS; góp ý về tài liệu)*

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………......................................................................................................................................................................

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….......................................................................................................................................................................

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................